VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 05/09/2021)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		05/09		06/09				07/09		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	-81	112	143	-119	-107	63	167	-75	-105
	Cửa Ông	-91	115	127	-94	-115	66	145	-53	-109
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	-96	117	108	-78	-123	75	124	-37	-118
	Bạch Long Vĩ	-71	119	96	-91	-101	82	118	-54	-102
Thái Bình	Thái Thụy	-95	117	98	-69	-122	77	113	-30	-117
Nam Định	Hải Hậu	-92	114	83	-52	-119	78	93	-16	-114
Ninh Bình	Kim Sơn	-90	113	79	-47	-117	76	87	-13	-113
Thanh Hóa	Quảng Xương	-88	108	76	-40	-114	72	82	-7	-108
Nghệ An	Diễn Châu	-81	94	69	-28	-103	62	73	4	-97
	Hòn Ngư	-79	93	67	-27	-102	62	70	6	-95
Hà Tĩnh	Thạch Hà	-72	83	61	-20	-95	57	63	12	-89
Quảng Bình	Quảng Trạch	-52	61	40	-5	-72	48	38	23	-72
	Quảng Ninh	-36	48	22	4	-53	42	19	29	-54
Quảng Trị	Gio Linh	-18	36	5	11	-33	36	1	30	-36
	Còn Cỏ	-15	41	3	6	-32	41	0	26	-37
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	2	21	-10	15	-11	27	-15	29	-15
	Phú Lộc	19	7	-22	19	8	18	-29	29	3
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	31	-3	-31	21	23	11	-38	28	17
	Hoàng Sa	60	-7	-47	7	52	12	-47	6	41
Quảng Nam	Tam Kỳ	46	-12	-42	21	39	6	-48	24	32
	Cù Lao Chàm	42	-9	-38	20	34	7	-44	24	27
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	56	-12	-51	17	48	9	-55	17	38
	Lý Sơn	56	-11	-47	15	48	8	-51	15	38
Bình Định	Phú Mỹ	60	-10	-53	13	53	11	-55	10	38
	Quy Nhơn	61	-9	-55	12	52	11	-57	8	38
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	67	-1	-49	19	59	18	-53	14	44
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	67	2	-52	23	57	22	-57	16	41
	Trường Sa	59	1	-62	15	50	21	-65	10	34
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	59	2	-64	23	49	25	-69	19	34
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	36	43	-121	56	22	74	-120	51	5
	Phú Quý	56	8	-76	25	44	31	-79	21	27
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	19	81	-167	49	23	99	-133	23	29
	Côn Đảo	44	70	-136	9	42	80	-101	-15	47
TPHCM	Cần Giờ	14	81	-166	46	22	99	-130	19	32
Tiền Giang	Gò Công Tây	11	83	-168	48	18	101	-132	20	30
Bến Tre	Ba Tri	14	81	-166	40	21	98	-127	12	35
Trà Vinh	Duyên Hải	28	77	-159	24	36	89	-116	-6	49
Sóc Trăng	Tân Phú	40	64	-137	-6	51	73	-89	-38	66
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	67	47	-93	-59	77	47	-40	-89	91
Cà Mau	Năm Căn	72	41	-59	-81	74	38	-16	-100	78
	Trần Văn Thời	14	49	-37	-24	-4	49	-21	-19	2
Kiên Giang	Rạch Giá	-24	60	-37	21	-59	60	-22	28	-38
	Phú Quốc	-23	23	3	-6	-35	19	9	4	-24
	Thổ Chu	-9	16	4	-6	-19	13	7	3	-11

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	Hướng thịnh hành	Ghi chú
Bắc vịnh Bắc Bộ	0.3 - 0.8	Đông Nam, Nam	
Nam vịnh Bắc Bộ	0.4 - 0.8	Đông Nam	
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	0.5 - 0.7	Đông Nam	
Bình Định đến Ninh Thuận	0.4 - 1.0	Tây Nam, Nam, Đông Nam	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 1.3	Tây, Tây Bắc	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 1.0	Tây Bắc, Tây	
Quần đảo Hoàng Sa	0.7 - 0.8	Nam	
Quần đảo Trường Sa	1.0 - 1.3	Tây, Tây Nam	
Bắc Biển Đông	0.5 - 1.3	Nam, Tây Nam	
Giữa Biển Đông	0.5 - 1.2	Tây Nam	
Nam Biển Đông	0.4 - 1.4	Tây, Tây Bắc	

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 06/09/2021

Người xây dựng bản tin: Nguyễn Hồng Hạnh

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

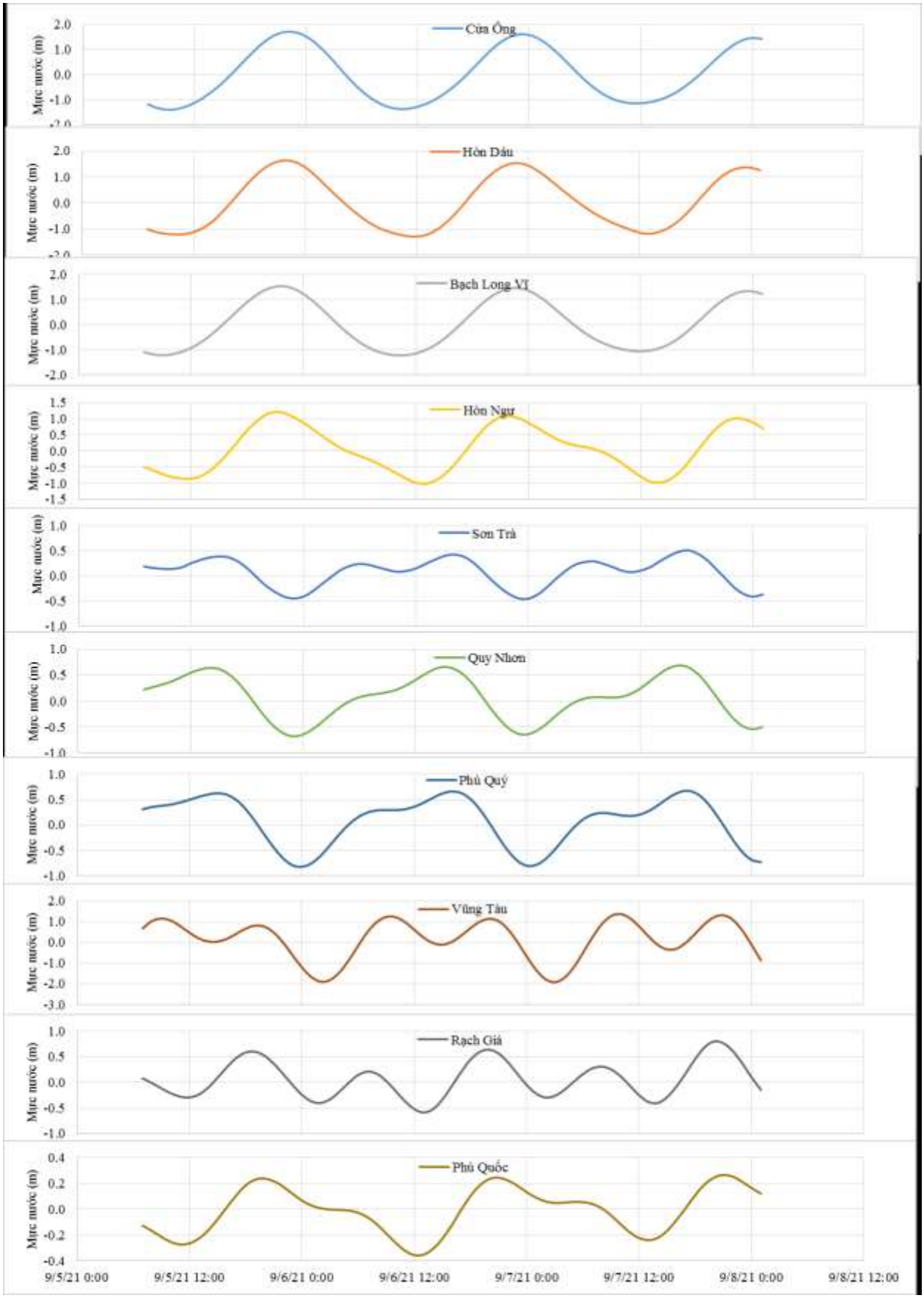

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

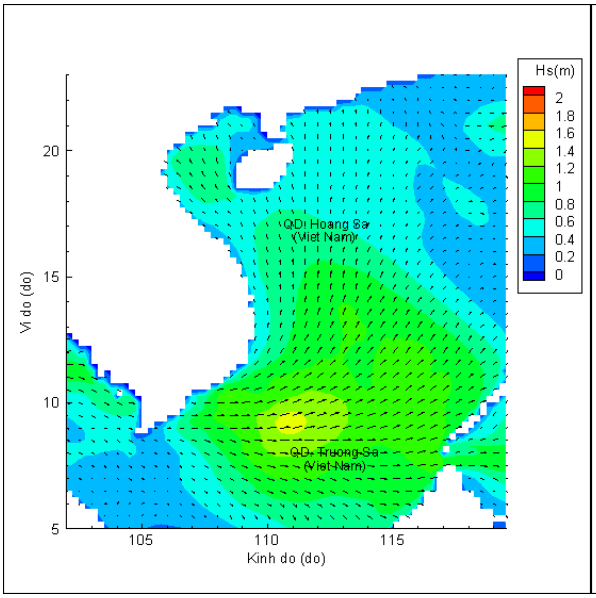

Lúc 13h ngày 05/09/2021

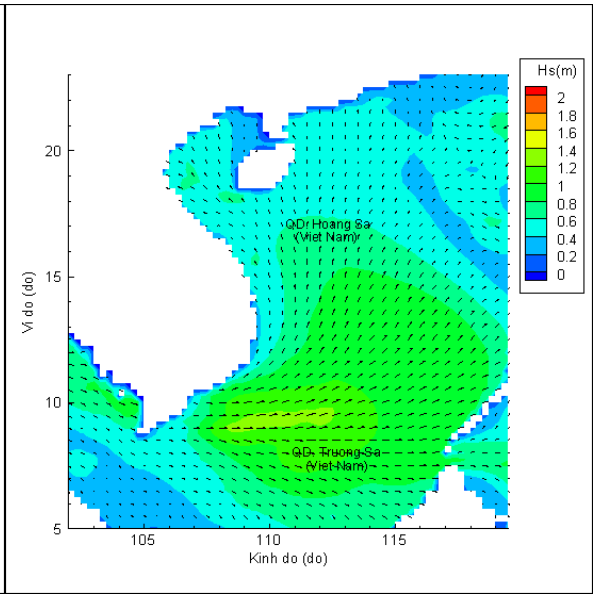

Lúc 19h ngày 05/09/2021

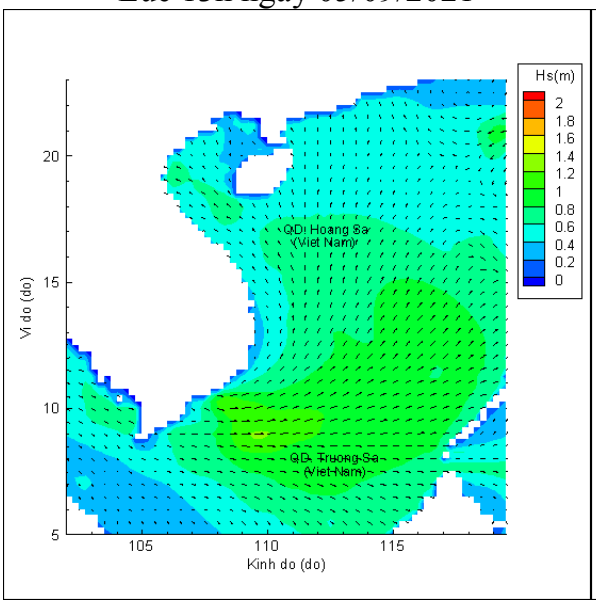

Lúc 01h ngày 06/09/2021

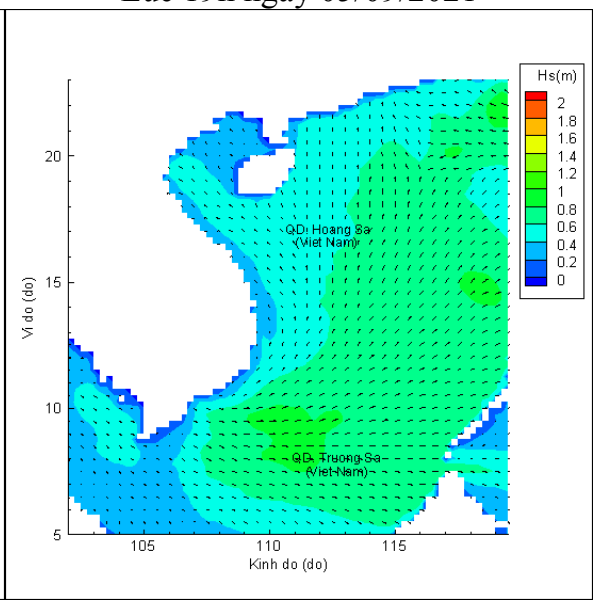

Lúc 13h ngày 06/09/2021

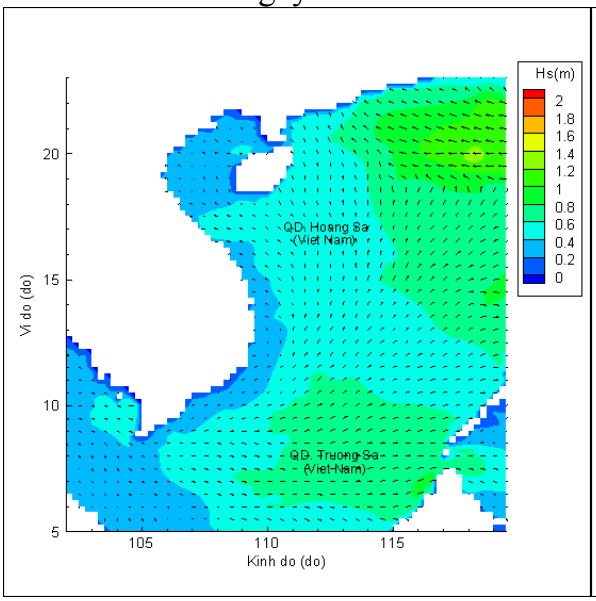

Lúc 01h ngày 07/09/2021

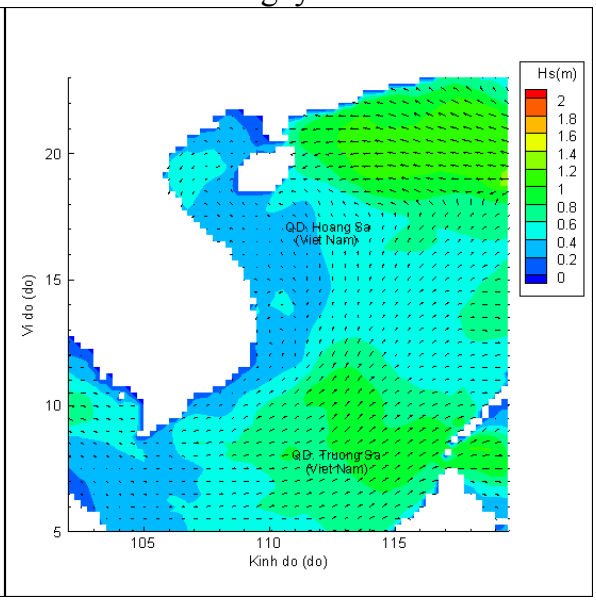

Lúc 13h ngày 07/09/2021